

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng nhà lớp học và các công trình phụ trợ
Trường THPT Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa
đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của
UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng nhà lớp học và các
công trình phụ trợ Trường THPT Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8685/SXD-
HĐXD ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc phê duyệt dự án Xây dựng nhà lớp
học và các công trình phụ trợ Trường THPT Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa (kèm
theo hồ sơ Dự án).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng nhà lớp học và các công trình phụ trợ
Trường THPT Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng nhà lớp học và các công trình phụ trợ Trường THPT Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa.

3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phúc Vinh.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên hiện có của Trường THPT Thiệu Hóa, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.

5. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình dân dụng, cấp II.

6. Số bước thiết kế: 01 bước.

7. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 8522/SXD-HĐXD ngày 12/11/2024.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

Xây dựng mới nhà lớp học 03 tầng 12 phòng và nâng cấp, cải tạo các hạng mục phụ trợ. Cụ thể như sau:

8.1. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng.

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 03 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước (44,2 x 10,2) m (tính từ tim trục đến tim trục). Chiều cao công trình 13,65 m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái). Mỗi tầng cao 3,6 m, mái lợp tôn cao 2,4 m. Giao thông đứng trong công trình bằng 01 cầu thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước nhà rộng 2,4 m.

Mặt bằng tầng 1, tầng 2: Bố trí 04 phòng học lý thuyết và 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt; mặt bằng tầng 3 bố trí 02 phòng học lý thuyết và 02 phòng học bộ môn (mỗi phòng học bộ môn có 01 phòng chuẩn bị).

Tường các tầng xây gạch không nung đặc VXM mác 75, trát trong và ngoài nhà VXM mác 75, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa VXM mác 75; tường, trần lăn sơn trực tiếp. Tường khu vệ sinh ốp gạch ceramic kích thước (300 x 600) mm. Trần khu vệ sinh đóng trần nhựa thả.

Nền sàn các phòng và hành lang lát gạch granite kích thước (600 x 600) mm, riêng khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300 x 600) mm.

Mái xây tường thu hồi, gác xà gỗ thép và lợp tôn chống nóng.

Cầu thang bộ: Bậc thang đổ BTCT tại chỗ, bậc xây gạch đặc không nung, mặt bậc lát đá granit; lan can sắt vuông kích thước (16 x 16) mm; tay vịn sắt ống D60 mm.

Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ, kính an toàn 6,38 mm. Hoa sắt

cửa sổ bằng thép hộp kích thước (12 x 12 x 1,2) mm.

Bậc tam cấp xây gạch, mặt bậc, cổ bậc ốp đá granite. Đường dốc lát gạch lá dừa kích thước (200 x 200) mm.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: Kết cấu móng sử dụng móng cọc BTCT đá 1x2 mác 300. Dầm, giằng móng bằng BTCT đá 1x2 mác 250, tường móng xây gạch đặc không nung VXM mác 75.

- Phần thân: Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực. Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình: (220 x 350) mm; (220 x 600) mm; tiết diện cột điển hình (220 x 220) mm; (220 x 400) mm; sàn BTCT điển hình dày 120 mm; bần thang BTCT dày 120 mm.

c) Giải pháp cấp điện và chống sét:

- Hệ thống điện lấy từ nguồn điện của khu vực, kéo vào công trình bằng cáp loại Cu/XLPE/PVC 2x25mm² đi đến tủ điện tổng, cáp nội bộ dùng Cu/PVC/(2x16)mm². Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC (2x1,5)mm² và Cu/PVC (2x2,5)mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen nhựa đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống điều hòa, thông tin liên lạc, camera thiết kế theo quy định hiện hành.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$, dây dẫn sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình kích thước L60x60x5mm dài 2,5 m; chôn sâu cách mặt đất 1,0 m. Dây tiếp địa bằng thép dẹt là kích thước (25 x 3) mm.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước của khu vực qua bể nước ngầm và được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Nước mưa trên mái được thu về sânô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

f) Giải pháp PCCC:

- Hệ thống chữa cháy ngoài nhà gồm: Trụ chữa cháy ngoài nhà; họng nước chữa cháy; hộp đựng phương tiện chữa cháy ngoài nhà.

- Hệ thống chữa cháy gồm: Chữa cháy tại chỗ sử dụng bình chữa cháy MFZ8; đầu phun Spinkler, nội quy và tiêu lệnh chữa cháy; hệ thống chữa cháy bằng họng nước vách tường (lăng phun và cuộn vòi).

- Hệ thống báo cháy gồm: Đầu báo cháy khói, tổ hợp chuông đèn, nút ấn báo cháy, hệ thống đèn Exit, đèn sự cố, dây tín hiệu, hộp đầu nối, Module, sơ đồ thoát nạn.

g) Giải pháp chống mối:

Chống mối hào trong, hào ngoài, chống mối mặt nền công trình.

8.2. Hạng mục: Phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp nước ngoài nhà được lấy từ nguồn nước của khu vực cấp đến bể nước ngầm bằng ống HDPE DN32.

- Thoát nước bằng hệ thống rãnh B300, hố ga thu nước. Tường rãnh, hố ga xây gạch VXM mác 75, nắp tấm đan BTCT.

- Sân bê tông có cấu tạo: Đất tôn nền đầm chặt; lớp nilong chống mất nước; lớp bê tông đá 1x2 mác 150 dày 100 mm.

- Sân lát gạch Terazzo có cấu tạo: Đất san nền tạo phẳng dày 20 cm; lớp nilong chống mất nước; lớp bê tông đá 1x2 mác 200 dày 100 mm; gạch Terazzo kích thước (400 x 400) mm.

- Xây lại 6,6 m tường rào thoáng hoàn trả theo hiện trạng.

- Làm 02 bồn hoa kích thước (3,0 x 12,0) m. Thành bồn hoa bằng đá, trong đổ đất màu trồng cây.

8.3. Hạng mục: Phá dỡ.

Phá dỡ nhà lớp học hiện trạng: Công trình có quy mô 03 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước (36,5 x 7,81) m.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 12.753.027.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng : 10.280.782.442 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 260.926.023 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT : 1.177.299.355 đồng;
- Chi phí khác : 89.350.219 đồng;
- Chi phí dự phòng : 944.668.643 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2026.

11. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh bố trí 70% tổng mức đầu tư dự án từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi; phần còn lại 30% do ngân sách huyện Thiệu Hóa đảm bảo.

12. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8685/SXD-HĐXD ngày 18/11/2024.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao UBND huyện Thiệu Hóa theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, CN_{HĐXD_TM.99}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Xây dựng nhà lớp học và các công trình phụ trợ

Trường THPT Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	9.464.815.124	815.967.318	10.280.782.442
1	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng	8.350.543.500	725.715.424	9.076.258.924
2	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	653.446.214	52.455.500	705.901.714
3	Hạng mục phụ trợ	210.561.506	17.775.282	228.336.788
4	Phá dỡ	124.211.105	9.936.888	134.147.993
5	Chống mối	126.052.799	10.084.224	136.137.023
II	Chi phí quản lý dự án	260.926.023		260.926.023
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.090.518.032	86.781.323	1.177.299.355
1	Chi phí khảo, lập quy hoạch tỷ lệ 1/500	158.333.333	12.666.667	171.000.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	4.750.000	380.000	5.130.000
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	380.012.327	30.400.986	410.413.313
4	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	46.296.296	3.703.704	50.000.000
5	Chi phí thẩm định giá	23.148.148	1.851.852	25.000.000
6	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	24.419.223	1.953.538	26.372.761
7	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	23.662.038	1.892.963	25.555.001
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	40.888.001	3.271.040	44.159.041
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	310.919.177	24.873.534	335.792.711
10	Chi phí giám sát công tác khảo sát	6.447.333	515.787	6.963.120
11	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	9.464.815		9.464.815
12	Chi phí TĐ kết quả lựa chọn nhà thầu	9.464.815		9.464.815
13	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc	52.712.525	5.271.253	57.983.778
IV	Chi phí khác	88.593.034	757.185	89.350.219
1	Chi phí bảo hiểm công trình	7.571.852	757.185	8.329.037
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	605.769		605.769

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	48.818.586		48.818.586
4	Chi phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	504.909		504.909
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	31.091.918		31.091.918
V	Chi phí dự phòng			944.668.643
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			590.417.902
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá			354.250.741
	Tổng cộng (làm tròn)			12.753.027.000